

*Bản án số: 94/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 30 - 6 - 2026
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Hoàng T Anh và Trần Thị Hương Trà.

- Ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê Mai – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện VKSND khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thuyên
- Kiểm sát viên.**

Mở phiên toà ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở TAND khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 300/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2026/QĐXX - ST ngày 27 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 55/2026/QĐST – DS ngày 12 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1987

Và bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981

Đều có HKTT và cư trú tại: Thôn Lai T, xã P, Thành phố Hà Nội.

Chị M có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đỗ Thị M trình bày:

Chị và anh M kết hôn với nhau từ năm 2007 là hôn nhân tự nguyện tiến bộ có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Dêr, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn Lai Tảo, xã Bôt Xuyên nay là xã Phúc Sơn, thành phố Hà Nội. Ngay từ khi về chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung trong tình cảm cũng như ứng xử. Anh T mãi chơi bời không chịu chăm lo gia đình vợ con, nhiều lần cờ bạc phá sản tài sản. Bản thân chị cũng đã ba lần có đơn xin ly hôn nhưng vì các con còn nhỏ nên lại chịu đựng quay về.

Nay các con đã lớn, bản thân anh T vẫn chứng nào tật ấy, không chịu thay đổi, và ngày càng trở nên quá đáng nên cả hai đã tự ly thân nhau từ tháng 10/2025 đến nay.

Xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân bế tắc nên chị đề nghị Toà án cho được ly hôn anh T để giải thoát cho cả hai.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Hà Linh sinh ngày 03/5/2008 và Nguyễn Đỗ Hải Long sinh ngày 16/3/2012. Ly hôn, cháu Linh đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên đề nghị không xét. Riêng cháu Long mới 14 tuổi, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Vợ chồng có một số tài sản chung nhưng xin được tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không nợ nần ai nên không yêu cầu Tòa xét.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng anh T không chịu đến Tòa án làm việc nên không rõ quan điểm.

Đại diện VKSND tham gia phiên tòa xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của chị Đỗ Thị M và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 80, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho chị Đỗ Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Đỗ Hải Long cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục; Tài sản chung, công nợ chung: các bên đều không đề nghị nên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện tranh chấp Hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Tảo Lai, xã Phúc Sơn, Thành phố Hà Nội nên TAND khu vực 12 – Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, thuộc trường hợp cố tình lẩn tránh nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

[2] *Về nội dung:*

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã Ia Dêr, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không cùng chung chí hướng vun đắp xây dựng hạnh phúc

gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng anh T vẫn không đến Toà làm việc, hoá giải mâu thuẫn, chứng tỏ thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không coi trọng cuộc sống hôn nhân đang có.

Xét mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã đến mức trầm trọng do tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, sự ràng buộc về hôn nhân nếu có kéo dài cũng chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa.... Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn anh T của chị M là có căn cứ, nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải phóng cho cả hai.

Về con chung: Chị M, anh T có hai con chung là Nguyễn Thị Hà Linh sinh ngày 03/5/2008 và Nguyễn Đỗ Hải Long sinh ngày 16/3/2012.

Tính đến thời điểm xét xử, cháu Nguyễn Thị Hà Linh đủ 18 tuổi, đã trưởng thành và phát triển tâm sinh lý bình thường nên không xét.

Đối với cháu Nguyễn Đỗ Hải Long: Do chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng; phía cháu Long cũng có nguyện vọng được ở với mẹ; phía anh T không đến Toà làm việc nên không rõ quan điểm nhưng cũng phần nào chứng tỏ thái độ bỏ mặc, thiếu trách nhiệm không chỉ với hôn nhân mà còn cả với chính con cái của mình... Vì vậy, cần giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Hải Long cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là hợp lẽ.

Do chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh T đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Các bên không đề nghị Tòa xét nên không xét.

Về công nợ chung: Chị M khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên không xét.

[3] *Về án phí:* Chị Đỗ Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Chị M, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Đỗ Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Đỗ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên là Nguyễn Đỗ Hải Long sinh ngày 16/3/2012; Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Các bên không đề nghị xét nên không xét.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo

biên lai thu số 0010111 ngày 24/4/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Hà Nội.
Chị M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12 – Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS khu vực 12 – Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phùng Văn Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Văn Phong

